TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:731/2023/LĐ - PT
Ngày: 12/7/2023
V/v "Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thoa

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Thanh Trúc

Ông Nguyễn Tiến Dũng

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Hồ Quỳnh Trâm - Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh***: Ông Tôn Mạnh Hùng – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 21 tháng 6 năm 2023 và ngày 12 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2023/TLPT-LĐ ngày 19 tháng 04 năm 2023, về việc "Tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động".

Do Bản án lao động sơ thẩm số 04/2023/LĐST ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1961/2023/QĐPT-LĐ ngày 08 tháng 5 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 6858 /2023/QĐPT-LĐ ngày 09 tháng 6 năm 2023 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 8109/2023/QĐST-LĐ ngày 21 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Bà Trần Thị Thanh H, sinh năm 1964; địa chỉ thường trú: Số E Đường số I, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên lạc: 2.06, Lô B, Khu tái định cư V, Ấp A, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; Có mặt;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Trần Thị Thanh M, sinh năm: 1969; địa chỉ: 2.06, Lô B, Khu tái định cư V, Ấp A, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; (Giấy ủy quyền lập ngày 20/9/2022 tại Phòng C1, Thành phố Hồ Chí Minh); Có mặt.

2. Bị đơn: Công ty TNHH T3; địa chỉ: Lầu B, số F đường T, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Trần Minh T, sinh năm: 2000 và/hoặc bà Doãn Thị Thanh T1, sinh năm: 1994; cùng địa chỉ: Tầng C, số A đường C, phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; (Giấy ủy quyền lập ngày 02/02/2021 và Giấy ủy quyền lại lập ngày 23/5/2023); Có mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Lê Trọng T2; sinh năm: 1986, là luật sư của Công ty L & Các cộng sự, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H; địa chỉ: Tầng C, số A Cô B, phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; Có mặt.

3. Người kháng cáo: Nguyên đơn - bà Trần Thị Thanh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 27/11/2020; Đơn sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 07/01/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Trần Thị Thanh H *và người đại diện theo ủy quyền –Bà* Trần Thị Thanh M *trình bày:*

Ngày 15/11/2012, bà Trần Thị Thanh H ký Hợp đồng lao động số 04.053.2012/VMEC với Công ty TNHH T4 (nay là Công ty TNHH T3) loại hợp đồng xác định thời hạn, công việc là nhân viên tạp vụ - Phòng Hành chánh.

Ngày 15/11/2014, bà H tiếp tục ký hợp đồng lao động số 04.053.2014/VMEC với Công ty TNHH T3 (sau đây gọi tắt là Công ty T3) loại hợp đồng không xác định thời hạn; làm công việc nhân viên tạp vụ - Phòng Tổng vụ; thời gian làm việc 8,5giờ/ngày từ thứ hai đến thứ sáu; mức lương chính là 3.700.000 đồng/tháng; địa điểm làm việc: số F T, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, thực tế Công ty T3 yêu cầu bà làm việc tại hai nơi trong một ngày là số F T, Phường B, quận T và kho của công ty tại địa chỉ Lô C, cụm C, đường số A, Khu công nghiệp T, phường T, quận T cho đến tháng 6/2019. Thời gian làm việc 2 nơi này thì ngoài tiền lương như hợp đồng, Công ty T3 có thỏa thuận bằng miệng là bồi dưỡng cho bà 300.000 đồng/tháng do phải di chuyển giữa hai nơi làm việc. Thực tế Công ty đã chi trả cho bà 300.000 đồng/tháng từ khi bắt đầu đến tháng 4/2016. Từ tháng 4/2016, Công ty T3 cắt khoản bồi dưỡng trên trong khi bà vẫn phải làm việc tại 2 địa điểm trên đến tháng 6/2019 theo yêu cầu của Công ty.

Ngày 31/12/2019, Công ty T3 ra quyết định không số chấm dứt hợp đồng lao động với bà kể từ ngày 13/02/2020. Tuy nhiên, ngày 02/01/2020 bà đến Công ty làm việc thì Công ty không cho bà vào làm việc. Công ty đơn

phương chấm dứt hợp đồng lao động với bà với lý do xóa bộ phận tạp vụ là không phù hợp. Công ty T3 cho rằng Công ty đã thông báo cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thành phố H về việc cho nhân viên thuộc Nhóm tạp vụ thôi việc nhưng không có chứng cứ thể hiện đã được Sở chấp thuận việc này.

Do Công ty T3 đã đơn phương chấm dứt hợp đồng trái pháp luật nên bà khởi kiện với các yêu cầu cụ thể như sau: Yêu cầu Công ty T3 trả tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trong những ngày bà không được làm việc tính từ ngày 13/02/2020 đến khi xét xử, tạm tính 09 tháng là 52.164.000 đồng (09 tháng x 5.796.000 đồng/tháng); Bồi thường 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động là 11.592.000 đồng (02 tháng x 5.796.000 đồng/tháng); Trả phụ cấp 300.000 đồng tiền xăng do phải làm việc tại 02 địa điểm từ tháng 4/2016 đến tháng 6/2019 là 11.400.000 đồng (38 tháng x 300.000 đồng/tháng), tổng cộng là 75.156.000 đồng.

Trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn- Công ty TNHH T3- ông Lê Đình C và bà Doãn Thi Thanh T1 trình bày:

Công ty T3 xác nhận có ký các hợp đồng Lao động với nguyên đơn như nguyên đơn trình bày và xác định bà H làm việc tại Công ty từ ngày 15/11/2012 đến ngày 31/12/2019 thì Công ty ra Quyết định cho bà H nghỉ việc từ ngày 13/02/2020, lý do như sau:

Ngày 04/11/2019, Ban Nhân sự - Phòng Tổng vụ trình Tổng giám đốc xem xét, phê duyệt phương án thay đổi cơ cấu tổ chức theo hướng xóa bỏ nhóm tạp vụ nhằm tinh gọn bộ máy hoạt động và giảm chi phí nhân sự của công ty.

Ngày 11/11/2019, Tổng giám đốc công ty đã ban hành Quyết định số 1111/QĐ-VMEC/2019 về việc thay đổi cơ cấu tổ chức của công ty. Ngày 21/11/2019, Tổng Giám đốc và Ban chấp ỉnh Cơng đồn cơ sở tổ chức cuộc họp về xây dựng phương ́n sử dụng lao động tại công ty và thống nhất về việc cho thôi việc các nhân viên tạp vụ vì lý do thay đổi cơ cấu tổ chức. Sau khi Ban chấp ỉnh Cơng đồn cơ sở thống nhất về nội dung bản dự thảo phương ́n sử dụng lao động mà Tổng Giám đốc đề xuất, ngày 22/11/2019, Tổng giám đốc Cơng ty C2 ban ỉnh phương ́n sử dụng lao động. Theo đó, với tình hình kinh doanh tại thời điểm thay đổi cơ cấu tổ chức, Công ty không có việc làm mới nên không thể giải quyết và sắp xếp cho 03 người lao động dơi dư thuộc Nhóm tạp vụ bị xóa bỏ và buộc phải cho thôi việc đối với 03 người lao động ỷy trong đĩ cĩ ồ H.

Ngày 27/11/2019, Công ty gửi Thông báo về việc cho người lao động thôi việc, báo cáo về việc chấm dứt sử dụng lao động, Quyết định về việc thay đổi cơ cấu tổ chức của công ty, Biên bản cuộc họp giữa Tổng Giám đốc và Ban chấp

hành Công đoàn cơ sở, phương án sử dụng lao động cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thành phố H.

Ngày 31/12/2019, Tổng Giám đốc Công ty B Quyết định về việc chấm dứt Hợp đồng lao động với bà H. Việc Công ty C3 với bà H là thuộc trường hợp cho người lao động thôi việc do thay đổi cơ cấu tổ chức căn cứ theo khoản 10 Điều 36 Bộ luật lao động năm 2012.

Sau khi cho bà H nghỉ việc, Cơng ty đã thanh toán đầy đủ các khoản cĩ lin quan đến quyền lợi của người lao động theo Điều 47, Điều 49 của Bộ luật lao động cho bà H theo đúng quy định.

Việc bà H yêu cầu Công ty thanh toán khoản phụ cấp xăng xe 300.000 đồng/tháng từ tháng 4/2016 đến tháng 6/2019: Yêu cầu này không có cơ sở do Công ty không thỏa thuận nội dung này. Cụ thể: Phụ cấp xăng xe là khoản tiền được Công ty chi trả nhằm mục đích hỗ trợ cho những nhân viên thường xuyên di chuyển để gặp khách hàng, đi công trình bằng phương tiện cá nhân. Khoản phụ cấp này không mặc nhiên chi trả cho tất cả nhân viên, nhân viên muốn hưởng khoản phụ cấp này phải đáp ứng điều kiện theo chính sách Công ty tùy vào từng thời điểm. Trong giai đoạn từ 4/2016 đến 6/2019, có 02 chính sách có liên quan đến phụ cấp xăng xe đã được Công ty ban hành và có hiệu lực áp dụng gồm: Chế độ phụ cấp giao tiếp & tiền xăng và làm đêm được ban hành và có hiệu lực kể từ ngày 17/9/2009 và chấm dứt hiệu lực kể từ ngày 15/5/2018 (Chính sách năm 2009); và Chính sách về phụ cấp điện thoại internet, xăng xe, cao độ và nhận hàng vào ban đêm được ban hành và có hiệu lực kể từ ngày 15/5/2018 và đang có hiệu lực áp dụng (Chính sách năm 2018). Theo Chính sách năm 2009 (02 mức phụ cấp tiền xăng xe: 180.000 đồng và 360.000 đồng), đối tượng được hưởng phụ cấp tiền xăng là những nhân viên có số lần đi công tác bên ngoài tối thiểu 02 lần/1 ngày hoặc tối thiểu 08 lần/1 tuần. Vào cuối mỗi tháng, nhân viên có nghĩa vụ làm phiếu yêu cầu hưởng phụ cấp và đệ trình đến Trưởng phòng để xin chấp thuận. Sau khi nhận phiếu yêu cầu của nhân viên, Trưởng phòng sẽ kiểm tra số lần đi ra ngoài của mỗi nhân viên, xác nhận lại mức phụ cấp mà mỗi nhân viên nhận được trong tháng đó và đệ trình đến Tổng Quản lý của Công ty để được chấp thuận. Đối với Chính sách năm 2018 (03 mức phụ cấp tiền xăng: 200.000 đồng, 400.000 đồng và 600.000 đồng), đối tượng được hưởng phụ cấp xăng xe bao gồm phó ban và các nhân viên khối gián tiếp khác thường xuyên gặp khách hàng, đi công trình... phục vụ cho công việc của công ty bằng phương tiện cá nhân. Mức phụ cấp cụ thể được chi trả tùy thuộc vào số lượt di chuyển tối thiểu trong một tháng của nhân viên.

Trên thực tế, bà H làm việc tại Công ty với vị trí nhân viên tạp vụ, phạm vi công việc của bà chủ yếu liên quan đến việc lau dọn văn phòng, ký túc xá, nhà xưởng, lau chén bát, pha trà, cà phê và các công việc khác được giao và hoàn toàn không phải di chuyển ra bên ngoài để gặp gỡ khách hàng của Công ty

hoặc đi công tác, công trình. Do đó, bà H hoàn toàn không thuộc nhóm đối tượng được Công ty chi trả phụ cấp xăng xe kể từ khi ký kết hợp đồng lao động lần đầu tiên (ngày 15/11/2012) đến khi chấm dứt hợp đồng lao động (ngày 13/02/2020). Đồng thời Chính sách năm 2009 và Chính sách năm 2018 của Công ty đều không có bất cứ quy định nào về mức phụ cấp tiền xăng xe cố định là 300.000 đồng nên việc bà H yêu cầu Công ty thanh toán khoản phụ cấp xăng xe 300.000 đồng/tháng từ tháng 4/2016 đến tháng 6/2019 là không có cơ sở. Mặt khác đối với yêu cầu của nguyên đơn là trả tiền xăng xe, nguyên đơn phải làm thủ tục hòa giải ở cơ sở rồi mới khởi kiện được, Tuy nhiên, nguyên đơn chưa qua thủ tục này.

Từ các trình bày, vịn ẫn nêu trên, bị đơn khơng chấp nhận yêu cầu của nguỹn đơn và đề nghị Hợi đồng xét xử khơng chấp nhận ít cả các ỵu cầu của Nguỹn đơn.

Tại Bản án lao động sơ thẩm số 04/2023/LĐ-ST *ngày 28 tháng 2 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định*:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thi Thanh H về việc yêu cầu Công ty TNHH T3 trả tiền lương do bị mất việc từ ngày 13/02/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 28/02/2023 là 36 tháng tương đương 208.656.000 đồng (5.796.000đồng/tháng x 36 tháng); Tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế 21%/ thang nhân với 36 tháng là 43.817.760 đồng; Tiền bồi thường 2 tháng lương do đơn phương cấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật là 11.592.000 đồng.

2. Đình chỉ đối với yêu cầu Công ty trả tiền phụ cấp xăng từ tháng 4/2016 đến tháng 6/2019 là 11.400.000 đồng do chưa đủ điều kiện khởi kiện.

3. Không xem xét, giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung về việc yêu cầu Công ty phải trả số tiền 8.694.000 đồng do vi phạm thời hạn báo trước 45 ngày, do yêu cầu này vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, án phí và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 15 tháng 3 năm 2023, nguyên đơn-bà Trần Thị Thanh H nộp đơn kháng cáo toàn bộ Bản án lao động sơ thẩm số 04/2023/LĐ-ST ngày 28 tháng 2 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H yêu cầu tòa phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn là bà Trần Thị Thanh H không rút đơn kháng cáo, không rút đơn khởi kiện. Bị đơn cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ là các bảng lương của bà H từ năm 2012 đến tháng 6/2019. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

**Nguyên đơn là bà Trần Thị Thanh H có người đại diện theo ủy quyền là bà Trần Thị Thanh M trình bày:*

Công ty TNHH T3 đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với nguyên đơn trái pháp luật. Do đó, nguyên đơn yêu cầu buộc bị đơn phải bồi thường cho nguyên đơn các khoản tiền sau:

- Bồi thường tiền lương những ngày không được làm việc tính từ ngày 13/02/2020 đến khi xét xử sơ thẩm là 208.656.000 đồng;

- Bồi thường 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động là 11.592.000 đồng;

- Bồi thường số tiền 8.694.000 đồng do vi phạm thời hạn báo trước 45 ngày

- Trả tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế từ ngày 13/02/2020 đến khi xét xử sơ thẩm 43.817.760 đồng,

Tòa sơ thẩm đình chỉ giải quyết yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả phụ cấp 300.000 đồng tiền xăng do phải làm việc tại 02 địa điểm từ tháng 4/2016 đến tháng 6/2019 là 11.400.000 đồng do chưa hòa giải là không đúng quy định pháp luật vì phần này có trong nội dung hòa giải cơ sở là tiền làm thêm giờ từ tháng 6/2019 đến khi nghỉ việc. Trong đơn khởi kiện cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn không hiểu biết pháp luật nên cho rằng đó là tiền phụ cấp xăng xe, nhưng thực ra là tiền làm thêm giờ. Nguyên đơn đề nghị hội đồng xét xử giải quyết buộc bị đơn trả tiền làm thêm giờ cho nguyên đơn.

** Bị đơn Công ty TNHH T3 do bà Trần Minh T và bà Doãn Thị Thanh T1 là người đại diện theo ủy quyền trình bày*:

Bị đơn không đồng ý toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án lao động sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn – Luật sư Lê Trọng T2 trình bày: Công ty thực hiện chấm dứt hợp đồng lao động với bà H là do thay đổi cơ cấu, tổ chức nhằm tinh gọn bộ máy hoạt động và giảm chi phí nhân sự. Thực tế, Công ty đã tiết kiệm chi phí thuê tạp vụ được thể hiện rõ trong thời gian dịch bệnh Covid-19 kéo dài. Ngày 26 và 27/12/2019, Công ty đã thông báo bằng lời nói cho bà H biết về việc chấm dứt hợp đồng lao động và bà H đã xác nhận sự việc này ở giai đoạn xét xử sơ thẩm. Đồng thời, Công ty đã thông báo đến Sở Lao động Thương binh và Xã hội Thành phố H về việc thay đổi cơ cấu, tổ chức và đã cho người lao động

biết thông báo này. Công ty xác định việc chấm dứt hợp đồng lao động với bà H đúng quy định của pháp luật và đã hoàn thành nghĩa vụ đối với nguyên đơn. Căn cứ khoản 10 Điều 36, các Điều 44, Điều 46 của Bộ luật Lao động 2012 và khoản 3 Điều 13 Nghị định 05/2015/NĐ-CP của Chính phủ, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án lao động sơ thẩm.

** Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:*

- Về tố tụng:

Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý vụ án đúng thẩm quyền. Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án: Có thông báo bằng văn bản cho các đương sự và Viện kiểm sát cùng cấp về việc thụ lý vụ án, quyết định xét xử cùng hồ sơ vụ án chuyển Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

-Về nội dung vụ án:

Căn cứ những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự, kết quả tranh luận tại phiên tòa. Bị đơn đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với nguyên đơn đúng pháp luật. Do đó, Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên Bản án lao động sơ thẩm số 04/2023/LĐ-ST ngày 28 tháng 2 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và kết luận của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc chấp hành pháp luật tố tụng và nội dung của vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo đề ngày 15/3/2023 của nguyên đơn bà Trần Thi Thanh H thực hiện trong thời hạn luật định nên được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận.

[1.2] Việc xác định thẩm quyền, quan hệ tranh chấp vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35,

điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 nên được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 31/12/2019, Công ty B Quyết định không số có nội dung chấm dứt hợp đồng lao động với bà H kể từ ngày 13/02/2020. Ngày 27/11/2020, bà H nộp đơn khởi kiện Công ty tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ Điều 202 Bộ luật Lao động năm 2012, việc khởi kiện của nguyên đơn vẫn còn trong thời hiệu khởi kiện nên được chấp nhận.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị Thanh H:

[2.1] Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và sự xác nhận của đương sự, có cơ sở để Hội đồng xét xử xác định giữa bà Trần Thị Thanh H và Công ty TNHH T3 có ký hợp đồng lao động số 04.053.2014/VMEC ngày 15/11/2012, Hợp đồng lao động số 04.053.2016/VMEC ngày 15/11/2014, phụ lục hợp đồng lao động số 04.053.2017/VMEC ngày 24/6/2017 với công việc: Nhân viên tạp vụ; thời hạn hợp đồng: Không xác định thời hạn; thời gian làm việc: 8,5 giờ/ngày; địa điểm làm việc: F T, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2.2] Căn cứ Tờ trình ngày 04/11/2019 của Ban Nhân sự - Phòng Tổng vụ, Tổng Giám đốc Công ty ban hành Quyết định số 1111/QD-VMEC/2019 ngày 11/11/2019 về việc thay đổi cơ cấu tổ chức của Công ty. Ngày 21/11/2019, Công ty B Công đoàn cơ sở đã tổ chức cuộc họp trao đổi về việc xây dựng phương án sử dụng lao động. Ngày 22/11/2019, Công ty B sử dụng lao động, theo đó công ty cho thôi việc đối với 03 (ba) người lao động, trong đó có bà H. Ngày 27/11/2019, Công ty gửi Thông báo về việc cho người lao động thôi việc số 2611/TB-VMEC/2019 ngày 26/11/2019 cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thành phố H về việc cho nhân viên thuộc Nhóm Tạp vụ thôi việc (trong đó có bà H) với lý do thay đổi cơ cấu của Công ty. Ngày 31/12/2019, Công ty ban hành Quyết định không số chấm dứt hợp đồng lao động với bà H kể từ ngày 13/02/2020, đồng thời bà H sẽ được nhận các khoản lương theo thỏa thuận trong hợp đồng lao động, thưởng (nếu có) và các khoản trợ cấp khác theo quy định trong hợp đồng lao động và quy định của P đến ngày chấm dứt hợp đồng lao động.

[2.3] Điểm a khoản 2 Điều 38 Bộ luật Lao động năm 2012 quy định: *"Khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động người sử dụng lao động phải báo cho người lao động biết trước: a) Ít nhất 45 ngày đối với hợp đồng lao động không xác định thời hạn"*. Trong quá trình giải quyết vụ án, tại đơn đề nghị ngày 09/12/2019, bà H xác nhận ngày 27/11/2019 đã được bà Đào Kim V - Trưởng Phòng Tổng vụ Công ty thông báo bằng lời nói về việc toàn bộ bộ phận nhân viên tạp vụ thôi việc và đã giao cho bà H bản photo Thông báo 2611/TB-

VMEC/2019 ngày 26/11/2019 "Thông báo về việc cho người lao động thôi việc" của Công ty gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thành phố H.

[2.4] Căn cứ Công văn số 14/2022 ngày 15/7/2022 của Công ty TNHH một thành viên N; Công văn số 35/2022 ngày 15/7/2022 của Công ty T3 với Công ty TNHH N và các Hóa đơn giá trị gia tăng từ ngày 10/01/2020 đến ngày 30/6/2022, có cơ sở xác định từ năm 2020 đến khi xét xử sơ thẩm, Công ty T3 đã thuê hai Công ty trên thực hiện trọn gói dịch vụ vệ sinh văn phòng, không ký hợp đồng lao động thực hiện công việc tạp vụ. Do đó, có cơ sở để Hội đồng xét xử xác định Công ty T3 chấm dứt hợp đồng lao động với bà H phù hợp với quy định tại khoản 10 Điều 36, Điều 44, Điều 46 và Điều 47 Bộ luật Lao động năm 2012, khoản 3 Điều 13 Nghị định 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật Lao động.

[2.5] Như phân tích tại các mục trên, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị đơn đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đúng pháp luật, từ đó không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn bồi thường tiền lương trong những ngày không được làm việc, Bồi thường 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động , Trả tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế từ ngày 13/02/2020 đến khi xét xử sơ thẩm là có căn cứ.

[2.6] Đối với yêu cầu Bồi thường số tiền 8.694.000 đồng do vi phạm thời hạn báo trước 45 ngày. Đây là yêu cầu liên quan đến giải quyết hậu quả của việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật nên Tòa sơ thẩm cho rằng yêu cầu này vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên không xem xét giải quyết là không đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, Theo nhận định ở trên, bị đơn đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với nguyên đơn đúng pháp luật nên không cần thiết hủy phần này của bản án sơ thẩm. Tòa cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[2.7]. Đối với yêu cầu buộc bị đơn phải trả phụ cấp tiền xăng từ tháng 4/2016 đến tháng 6/2019 là 11.400.000 đồng. Đây là Tranh chấp phải thông qua hòa giải cơ sở nhưng nguyên đơn chưa thực hiện nên chưa đủ điều kiện khởi kiện. Tòa cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết yêu cầu này của nguyên đơn là có căn cứ.

[2.8]. Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn cung cấp cho Hội đồng xét xử các bảng lương (trong đó có phần tiền lương làm thêm giờ) từ năm 2012 đến tháng 6/2019. Bị đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn trả tiền làm thêm giờ cho nguyên đơn chứ không phải tiền trợ cấp xăng xe. Tranh chấp tiền làm thêm giờ đã được ghi trong Biên bản hòa giải tranh chấp lao động ngày 25/7/2019. Hội đồng xét xử xét thấy tại Đơn khởi kiện ngày 27/11/2020, Đơn khởi kiện bổ sung ngày 07/01/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án tại tòa cấp sơ thẩm, nguyên

đơn yêu cầu bị đơn trả phụ cấp 300.000 đồng tiền xăng do phải làm việc tại 02 địa điểm từ tháng 4/2016 đến tháng 6/2019 là 11.400.000, nguyên đơn không yêu cầu trả tiền làm thêm giờ. Tòa cấp sơ thẩm chưa giải quyết yêu cầu trả tiền làm thêm giờ cho nguyên đơn nên Tòa cấp phúc thẩm không có cơ sở xem xét giải quyết.

[2.9]. Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên Bản án lao động sơ thẩm số 04/2023/LĐ-ST ngày 28 tháng 2 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Án phí lao động sơ thẩm và phúc thẩm: Nguyên đơn được miễn án phí lao động sơ thẩm và án phí lao động phúc thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12, Điều 16 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị đơn không phải chịu án phí lao động sơ thẩm và phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 32, khoản 1 Điều 148, Điều 293, khoản 2 Điều 296, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Khoản 10 Điều 36, Điều 44, Điều 46 và Điều 47 của Bộ luật Lao động năm 2012;

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 13 của Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật Lao động;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn - bà Trần Thị Thanh H, Giữ nguyên Bản án lao động sơ thẩm số 04/2023/LĐ-ST ngày 28 tháng 2 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Trần Thị Thanh H về việc yêu cầu Công ty TNHH T3 trả tiền lương những ngày không

được làm việc từ ngày 13/02/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 28/02/2023 là 36 tháng tương đương 208.656.000 đồng (5.796.000đồng/tháng x 36 tháng); Tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế 21%/ tháng nhân với 36 tháng là 43.817.760 đồng; Tiền bồi thường 2 tháng lương 11.592.000 đồng do Công ty TNHH T3 đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật với bà Trần Thị Thanh H.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu Công ty TNHH T3 trả tiền phụ cấp xăng xe từ tháng 4/2016 đến tháng 6/2019 là 11.400.000 đồng do chưa đủ điều kiện khởi kiện.

3. Không xem xét, giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn về việc yêu cầu Công ty TNHH T3 phải trả số tiền 8.694.000 đồng do vi phạm thời hạn báo trước 45 ngày, do yêu cầu này vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu.

4. Về án phí

4.1. Án phí lao động sơ thẩm:

- Bà Trần Thi Thanh H được miễn án phí lao động sơ thẩm.
- Công ty TNHH T3 không phải chịu án phí lao động sơ thẩm.

4.2. Án phí lao động phúc thẩm:

- Bà Trần Thi Thanh H được miễn án phí lao động phúc thẩm.
- Công ty TNHH T3 không phải chịu án phí lao động phúc thẩm.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Tòa án nhân dân Q.Tân Bình, TP.HCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự Q.Tân Bình;
- Cục Thi hành án TP.HCM;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thoa